

Số: **68/2020/TT-BCA**

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, trình tự tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính và giải quyết một số trường hợp cụ thể trong tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy.

Điều 2. Nguyên tắc tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính

1. Tuân thủ quy định của Thông tư này, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệnh Công an nhân dân; thực hiện đúng kế hoạch, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bảo đảm tính minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng, an toàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm hành chính và các vi phạm pháp luật khác theo đúng quy định.

3. Chỉ được bố trí cán bộ đã được cấp Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra, kiểm soát đường thủy làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính trên đường thủy nội địa.

4. Nghiêm cấm lợi dụng tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính để sách nhiễu, gây phiền hà Nhân dân, cản trở hoạt động giao thông vận tải thủy, xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 3. Bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ và thời gian tuần tra, kiểm soát

1. Trên mỗi tuyến giao thông đường thủy nội địa qua mỗi địa phương được bố trí một hoặc nhiều Tổ tuần tra, kiểm soát. Mỗi tổ gồm Tổ trưởng chỉ huy và các tổ viên. Số lượng cán bộ trong mỗi Tổ tuần tra, kiểm soát do Thủy đội trưởng, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát đường thủy, Đội trưởng Đội Cảnh sát đường thủy hoặc Đội trưởng Đội Cảnh sát giao thông Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Thủy đội trưởng, Trạm trưởng, Đội trưởng) quyết định nhưng phải bảo đảm yêu cầu sau:

a) Tuần tra, kiểm soát lưu động bằng tàu gồm: Tổ trưởng, có ít nhất 02 tổ viên và phải bảo đảm đủ định biên thuyền viên theo quy định của Bộ Công an;

b) Tuần tra, kiểm soát lưu động bằng xuồng máy, bằng phương tiện thủy khác, bằng phương tiện cơ giới đường bộ hoặc đi bộ gồm: Tổ trưởng, có ít nhất 02 tổ viên; trong đó người điều khiển phương tiện tuần tra, kiểm soát phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn, Giấy phép lái xe theo quy định;

c) Kiểm soát tại trạm hoặc một điểm trên tuyến gồm: Tổ trưởng và ít nhất 02 tổ viên;

d) Trường hợp một hoặc nhiều tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn do Thủy đội, Đội Cảnh sát đường thủy, Đội Cảnh sát giao thông hoặc Trạm Cảnh sát đường thủy (Thủy đội, Đội, Trạm) quản lý, trong cùng một thời gian bố trí nhiều Tổ tuần tra, kiểm soát cùng thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát thì Thủy đội trưởng, Đội trưởng, Trạm trưởng quyết định số lượng Tổ tuần tra, kiểm soát và chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ huy hoặc phân công cấp phó trực tiếp chỉ huy từng tuyến.

2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ của một Tổ tuần tra, kiểm soát không quá 08 giờ/ngày. Trường hợp cần kéo dài thêm thời gian thì Thủy đội trưởng, Đội trưởng, Trạm trưởng phải báo cáo và được sự đồng ý của Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông (sau đây viết gọn là Trưởng phòng) hoặc Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết gọn là Trưởng Công an cấp huyện) nhưng phải bảo đảm chế độ nghỉ bù cho cán bộ theo quy định.

3. Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát phải bố trí đủ cán bộ ứng trực và trực ban tại đơn vị 24/24 giờ.

4. Trang bị của một Tổ tuần tra, kiểm soát:

a) Sổ kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát đường thủy và các biểu mẫu có liên quan;

b) Phương tiện tuần tra, kiểm soát;

c) Phương tiện thông tin liên lạc;

d) Cờ chữ K, đèn hiệu, loa cầm tay;

đ) Các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; đèn pin chịu nước; ống nhôm ban ngày, ban đêm; la bàn, hải đồ; vũ khí, công cụ hỗ trợ khác trang bị phù hợp với từng trường hợp.

Điều 4. Phân công nhiệm vụ của cán bộ trong Tổ tuần tra, kiểm soát

Nhiệm vụ của Tổ trưởng và từng tổ viên trong Tổ tuần tra, kiểm soát phải được phân công cụ thể trong Sổ kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát đường thủy:

1. Tổ trưởng có trách nhiệm chỉ huy, điều hành mọi hoạt động của Tổ tuần tra, kiểm soát; ghi Sổ kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát đường thủy;

2. Nhiệm vụ của các tổ viên gồm: Điều khiển phương tiện tuần tra; sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; quan sát, ghi nhận biển kiểm soát, đặc điểm của phương tiện giao thông; thực hiện hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm soát; tiến hành kiểm soát, phát hiện các hành vi vi phạm; lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền; giám sát hoạt động của người trên phương tiện và khu vực đang kiểm soát; thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổ trưởng và báo cáo kết quả thực hiện.

Chương II

TRÌNH TỰ TUẦN TRA, KIỂM SOÁT

Điều 5. Xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm soát

1. Cục trưởng Cục Cảnh giao thông; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Công an cấp tỉnh) ban hành các kế hoạch sau đây:

a) Kế hoạch tổng kiểm soát và xử lý vi phạm;

b) Kế hoạch mở đợt cao điểm tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm;

c) Kế hoạch tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm theo chuyên đề;

d) Kế hoạch phối hợp với các đơn vị, cơ quan có liên quan bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Thủy đoàn trưởng, Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện căn cứ vào kế hoạch quy định tại khoản 1 Điều này hoặc tình hình ở địa bàn được phân công tuần tra, kiểm soát lập kế hoạch, tổ chức tuần tra, kiểm soát thường xuyên hoặc đột xuất của đơn vị mình; phê duyệt kế hoạch công tác tuần của các Thủy đội, Đội, Trạm.

3. Thủy đội trưởng, Đội trưởng, Trạm trưởng căn cứ kế hoạch quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Lập kế hoạch công tác tuần, lệnh điều động phương tiện trình Thủy đoàn trưởng, Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện hoặc cấp phó được giao phụ trách phê duyệt;

b) Lập lịch thực hiện kế hoạch công tác tuần cho từng Tổ tuần tra, kiểm soát;

c) Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Tổ tuần tra, kiểm soát trong Sổ kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát đường thủy.

Điều 6. Triển khai thực hiện kế hoạch

1. Tổ trưởng:

a) Phổ biến, quán triệt cho các tổ viên về kế hoạch công tác và những nội dung có liên quan trước khi thực hiện nhiệm vụ;

b) Điểm danh quân số; kiểm tra trang phục; Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra, kiểm soát đường thủy; Điều lệnh nội vụ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn; các biểu mẫu có liên quan và các điều kiện cần thiết khác phục vụ nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát;

c) Phát lệnh thực hiện tuần tra, kiểm soát khi các điều kiện đã bảo đảm và an toàn.

2. Tổ viên:

a) Phải nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch, nhiệm vụ, vị trí, quy ước thông tin liên lạc;

b) Chủ động công tác chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Tổ trưởng;

c) Kịp thời báo cáo Tổ trưởng những tình huống đột xuất xảy ra trong khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát.

Điều 7. Bố trí tín hiệu báo Trạm kiểm soát, phương tiện tuần tra, kiểm soát giao thông đường thủy nội địa

Cảnh sát đường thủy bố trí tín hiệu báo Trạm kiểm soát, phương tiện tuần tra, kiểm soát giao thông đường thủy nội địa như sau:

1. Tại Trạm tuần tra, kiểm soát giao thông, ở vị trí cao, dễ quan sát nhất:

a) Ban đêm, thấp một đèn xanh trên một đèn trắng, đặt cách nhau 0,6m trên cùng một cột dọc;

b) Ban ngày, treo cờ hiệu "Cờ chữ K";

2. Trên phương tiện tuần tra, kiểm soát giao thông:

a) Ban đêm, ngoài các đèn hiệu theo quy định của Điều 50 Luật Giao thông đường thủy nội địa, ở vị trí cao nhất trên cột đèn thấp một đèn xanh trên một đèn trắng, cách nhau 0,6m;

b) Ban ngày, ở vị trí cao nhất trên cột đèn treo cờ hiệu "Cờ chữ K".

Điều 8. Tuần tra, kiểm soát

1. Kiểm soát tại Trạm Cảnh sát đường thủy, tại một điểm trên tuyến:

a) Kiểm soát tại Trạm Cảnh sát đường thủy

Trạm Cảnh sát đường thủy được thành lập theo quyết định của Bộ Công an phải tổ chức kiểm soát tại Trạm. Khi kiểm soát tại Trạm được sử dụng phương tiện để kiểm soát trong trường hợp cần thiết;

b) Kiểm soát tại một điểm trên tuyến:

Tổ chức kiểm soát tại một điểm trên tuyến chỉ được thực hiện tại những vị trí phức tạp về trật tự, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội; phạm vi luồng rộng, thoáng, không bị che khuất tầm nhìn; bảo đảm việc dừng phương tiện, kiểm soát công khai, minh bạch, an toàn;

Thời gian tổ chức kiểm soát tại một điểm trên tuyến giao thông đường thủy nội địa tối đa 120 phút (trừ trường hợp thực hiện kế hoạch, mệnh lệnh của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh trở lên hoặc đang xử lý vụ, việc phức tạp cần kéo dài thêm thời gian).

2. Tuần tra, kiểm soát công khai kết hợp với hoá trang:

a) Trường hợp cán bộ hóa trang sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phát hiện, ghi nhận được các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông, thực hiện như sau:

Thông báo ngay cho bộ phận cán bộ tuần tra, kiểm soát công khai trong Tổ tuần tra, kiểm soát thực hiện hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm soát và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bộ phận cán bộ tuần tra, kiểm soát công khai không dừng ngay được phương tiện vi phạm để kiểm soát, xử lý vi phạm thì Tổ trưởng có trách nhiệm thống kê từng trường hợp, tập hợp đầy đủ các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm để báo cáo, đề xuất bằng văn bản với người có thẩm quyền thực hiện việc thông báo và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp bộ phận cán bộ hóa trang phát hiện vi phạm hành chính hoặc tình hình phức tạp về an ninh, trật tự thì thực hiện như sau:

Thông báo ngay cho bộ phận cán bộ tuần tra, kiểm soát công khai để thực hiện hiệu lệnh dừng phương tiện, kiểm soát và xử lý vi phạm theo quy định;

Đối với những hành vi vi phạm nghiêm trọng về trật tự, an toàn giao thông, trật tự xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, làm thiệt hại đến tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, tổn hại đến tính mạng, sức khỏe con người, thì sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra, kiểm soát đường thủy để thông báo, vận động Nhân dân phối hợp, ngăn chặn ngay hành vi vi phạm; thông báo và phối hợp với cán bộ tuần tra, kiểm soát công khai để giải quyết hoặc đưa đối tượng vi phạm về trụ sở cơ quan Công an nơi gần nhất để giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp đối tượng không chấp hành hiệu lệnh, dùng vũ lực, hung khí, vũ khí để chống đối, thì được sử dụng vũ lực hoặc vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để khống chế đối tượng.

3. Tuần tra, kiểm soát lưu động:

Khi kiểm soát toàn bộ tình hình trật tự, an toàn giao thông và trật tự xã hội trên tuyến được phân công, Tổ tuần tra, kiểm soát được sử dụng phương tiện tàu, xuồng và các phương tiện thủy khác tuần tra, kiểm soát lưu động;

Khi tuần tra, kiểm soát tại các cảng, bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, các bến, bãi tập kết, bốc xếp hàng hóa và các kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khác dọc các tuyến đường thủy nội địa, Tổ tuần tra, kiểm soát được sử dụng tàu, xuồng và các phương tiện thủy khác, các phương tiện cơ giới đường bộ hoặc đi bộ.

Điều 9. Hiệu lệnh dừng phương tiện

1. Khi dừng phương tiện để kiểm soát phải căn cứ vào mật độ phương tiện tham gia giao thông, tình hình, đặc điểm luồng, tuyến giao thông để bảo đảm an toàn và lưu thông bình thường của các phương tiện khác.

2. Hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Ban ngày, hướng cờ hiệu "Cờ chữ K" về phía phương tiện cần kiểm soát, phát ba lần theo chiều thẳng đứng từ trên xuống, đồng thời phát âm hiệu một tiếng dài, một tiếng ngắn, một tiếng dài;

b) Ban đêm, hướng đèn hiệu về phía phương tiện cần kiểm soát, phát một chớp sáng dài, một chớp sáng ngắn, một chớp sáng dài, đồng thời phát âm hiệu một tiếng dài, một tiếng ngắn, một tiếng dài;

c) Ngoài hiệu lệnh nêu trên, có thể kết hợp dùng loa hướng dẫn cho phương tiện dừng hoặc giảm tốc độ để kiểm soát.

Điều 10. Tiến hành kiểm soát

1. Kiểm soát phương tiện giao thông:

a) Sau khi phát hiệu lệnh dừng phương tiện, cán bộ thuộc Tổ tuần tra, kiểm soát hướng dẫn cho phương tiện tiếp bờ, cập cầu tàu (nếu kiểm tra tại Trạm) hoặc cập mạn vào phương tiện tuần tra, kiểm soát. Trường hợp phương tiện bị kiểm tra có mớn nước sâu, địa hình phức tạp, luồng hẹp, khan cạn hoặc việc dừng lại của phương tiện gặp khó khăn thì thông báo cho người điều khiển phương tiện giảm tốc độ và điều khiển phương tiện tuần tra, kiểm soát áp mạn của phương tiện cần kiểm soát;

b) Tổ trưởng hoặc tổ viên được phân công lên phương tiện, gặp chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện, tùy từng trường hợp cụ thể có thể thực hiện động tác chào theo Điều lệnh Công an nhân dân, giới thiệu họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác; thông báo lý do, nội dung kiểm soát và yêu cầu chấp hành việc kiểm soát; tiến hành kiểm soát theo quy định;

c) Nội dung và phương pháp kiểm soát trên phương tiện:

Kiểm soát giấy tờ của phương tiện, thuyền viên, người đi trên phương tiện, hàng hóa chở trên phương tiện và các loại giấy tờ khác có liên quan theo quy định. Khi kiểm soát giấy tờ phải đối chiếu với thực tế và xác định tính hợp pháp của giấy tờ;

Kiểm soát điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện: Kiểm soát bằng quan sát, đối chiếu thực tế với giấy tờ của phương tiện hoặc bằng thiết bị kỹ thuật, khi cần thiết phải kiểm tra trên cơ sở dữ liệu hoặc đề nghị cơ quan chuyên môn giám định;

Kiểm soát an toàn vận tải: Độ chìm của phương tiện so với vạch dấu mớn nước an toàn; chủng loại, khối lượng, số lượng, quy cách, kích thước hàng hóa, đồ vật, số người thực tế so với sức chở của phương tiện và các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động vận tải;

Kiểm soát những nội dung khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

Khi kiểm soát phải có mặt đại diện chủ phương tiện, thuyền trưởng hoặc người điều khiển phương tiện. Trường hợp không có mặt của những người trên, việc kiểm soát phải có đại diện chính quyền cơ sở nơi kiểm soát hoặc người chứng kiến theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp kiểm soát phương tiện vận chuyển chất cháy, chất nổ, chất độc hại hoặc hàng hóa nguy hiểm khác thì phải có biện pháp an toàn đưa phương tiện ra xa khu dân cư hoặc nơi vắng người để tiến hành kiểm soát; trường hợp cần thiết phải đề nghị cơ quan chuyên môn tham gia vào hoạt động kiểm tra.

2. Kiểm soát tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

a) Đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, phải tiến hành kiểm tra hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa, tình hình an toàn của luồng chạy tàu, hành lang bảo vệ luồng, công trình, cảng, bến thủy nội địa và các công trình khác có liên quan để phát hiện vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Khi phát hiện luồng, tuyến, hệ thống báo hiệu có thay đổi so với thiết kế, công bố của cơ quan quản lý đường thủy hoặc biến đổi khác thường, phải ghi nhận và kiến nghị kịp thời với cơ quan, đơn vị quản lý có biện pháp khắc phục hoặc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

c) Trường hợp phát hiện vật chướng ngại nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn trên luồng, Tổ tuần tra, kiểm soát tổ chức đặt báo hiệu tạm thời, điều tiết giao thông và thông báo ngay cho cơ quan quản lý đường thủy để đặt báo hiệu hướng dẫn giao thông; phối hợp với cơ quan quản lý đường thủy xác định chủ vật chướng ngại, yêu cầu đặt và trông giữ báo hiệu, xác định thời gian, biện pháp trục vớt, giải tỏa để bảo đảm an toàn giao thông, xử lý vi phạm theo quy định.

3. Sau khi kiểm soát, Tổ tuần tra, kiểm soát thông báo cho người liên quan biết về kết quả kiểm soát, hành vi vi phạm, hình thức xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) và tiến hành xử lý vi phạm hoặc báo cáo người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện công trình, cảng, bến thủy nội địa không bảo đảm an toàn mà người đại diện của công trình, cảng, bến thủy nội địa vắng mặt thì lập biên bản kiểm tra với sự có mặt của đại diện chính quyền cơ sở hoặc người chứng kiến theo quy định của pháp luật; thông báo cho đơn vị quản lý công trình đó biết và hẹn thời gian làm việc theo quy định.

Điều 11. Xử lý vi phạm trong khi tuần tra, kiểm soát

Việc xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định sau đây:

1. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản:

Sau khi kiểm soát phát hiện hành vi vi phạm thuộc trường hợp bị xử phạt theo thủ tục không lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ; trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm chưa thực hiện ngay quyết định xử phạt thì tạm giữ giấy tờ có liên quan để bảo đảm cho việc chấp hành quyết định xử phạt. Việc tạm giữ giấy tờ phải có quyết định theo quy định;

2. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản:

Khi lập biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền, cán bộ lập biên bản được tạm giữ một trong các loại giấy tờ theo thứ tự: Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn,

Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc các giấy tờ khác có liên quan theo quy định của pháp luật để bảo đảm việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp các giấy tờ đó có dấu hiệu làm giả thì được tạm giữ thêm giấy tờ khác có liên quan). Nếu người vi phạm không có giấy tờ nói trên thì có thể tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Khi tạm giữ giấy tờ phải lập biên bản theo quy định.

Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính mà người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người bị thiệt hại, đại diện tổ chức bị thiệt hại hoặc những người có liên quan từ chối ký biên bản thì cán bộ lập biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ lý do vào biên bản, Tổ trưởng Tổ tuần tra, kiểm soát mời đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc người chứng kiến theo quy định của pháp luật ký tên vào biên bản vi phạm hành chính và phải báo cáo thủ trưởng đơn vị bằng văn bản để làm cơ sở cho người có thẩm quyền quyết định xử phạt hoặc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để ghi hình làm cơ sở xử lý;

Nghiêm cấm tẩy xóa, sửa chữa các nội dung đã ghi trong biên bản vi phạm hành chính;

3. Xử lý vi phạm hành chính thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ:

Đối với hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa của người và phương tiện tham gia giao thông được ghi nhận thông qua các phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ, cán bộ tuần tra, kiểm soát công khai thực hiện hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm soát, lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định. Trường hợp người vi phạm yêu cầu được xem tài liệu về hành vi vi phạm thì phải cho xem ngay; nếu chưa có tài liệu thu thập được thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thì hướng dẫn người vi phạm xem tài liệu khi đến xử lý vi phạm tại trụ sở đơn vị;

Trường hợp chưa dừng ngay được phương tiện để kiểm soát, xử lý vi phạm theo quy định, đơn vị tuần tra, kiểm soát phải báo cáo Thủy đoàn trưởng, Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện trở lên để thông báo và yêu cầu chủ phương tiện, người vi phạm đến trụ sở cơ quan Công an để giải quyết. Khi giải quyết vụ, việc phải cho người vi phạm xem tài liệu thu thập được thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ về hành vi vi phạm của họ; lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định.

Điều 12. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính

1. Trường hợp cần ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính hoặc để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt hoặc để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt, Tổ trưởng Tổ tuần tra,

kiểm soát phải quyết định hoặc báo cáo người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật.

2. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật phải tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, Tổ tuần tra, kiểm soát thông báo cho người vi phạm và những người có liên quan biết; tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính; ra quyết định tạm giữ hoặc báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện theo quy định; lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện; trường hợp tang vật, phương tiện bị tạm giữ phải được niêm phong thì tiến hành niêm phong theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy, thủ trưởng trực tiếp của cán bộ, chiến sĩ Tổ tuần tra, kiểm soát phải tạm giữ ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo thủ trưởng của mình là người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xem xét ra quyết định tạm giữ; đối với tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng, người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý. Trong trường hợp không ra quyết định tạm giữ phải trả lại ngay tang vật, phương tiện đã bị tạm giữ;

c) Trường hợp khi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người điều khiển phương tiện không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm hoặc cố tình trốn tránh, gây cản trở, không chấp hành thì thực hiện như sau: Lập biên bản tạm giữ, có chữ ký xác nhận của người chứng kiến theo quy định của pháp luật; ra quyết định tạm giữ; sử dụng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (máy ảnh, camera) ghi lại hình ảnh tang vật, phương tiện; sử dụng các biện pháp hoặc thuê tổ chức, cá nhân có điều kiện khả năng chuyên môn phù hợp đưa tang vật, phương tiện về nơi tạm giữ; xác minh và gửi thông báo đến chủ phương tiện, yêu cầu người vi phạm đến giải quyết; người vi phạm phải chịu mọi chi phí cho việc đưa tang vật, phương tiện đó về nơi tạm giữ theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp giao phương tiện giao thông bị tạm giữ để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt cho cá nhân, tổ chức vi phạm quản lý, bảo quản thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

Điều 13. Kết thúc tuần tra, kiểm soát

1. Tổ trưởng Tổ tuần tra, kiểm soát tổ chức họp rút kinh nghiệm, nhận xét, đánh giá những ưu điểm, tồn tại, đề xuất ý kiến, ghi vào Sổ kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát đường thủy.

2. Báo cáo tình hình, kết quả công tác của Tổ tuần tra, kiểm soát.

3. Bàn giao biểu mẫu, hồ sơ các vụ, việc vi phạm hành chính, các giấy tờ, tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tiền thu nộp phạt tại chỗ cho cán bộ quản lý của đơn vị. Việc bàn giao phải được tiến hành ngay sau khi kết thúc tuần tra, kiểm soát. Người giao và người nhận phải ký, ghi rõ họ tên trong Sổ giao nhận biểu mẫu trong hoạt động tuần tra, kiểm soát và Sổ giao nhận hồ sơ và các vụ, việc trong tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính; nếu để mất, hư hỏng tài liệu, thiết bị, giấy tờ, tang vật, phương tiện, tiền nêu trên, tùy theo tính chất, mức độ phải bị xử lý kỷ luật, bồi thường và trách nhiệm pháp lý khác theo quy định của pháp luật. Việc bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các trang bị khác cho Tổ tuần tra, kiểm soát tiếp theo hoặc cán bộ quản lý của đơn vị phải ghi rõ trong Sổ kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát đường thủy.

Chương III

XỬ LÝ VỤ, VIỆC VI PHẠM HÀNH CHÍNH TẠI TRỤ SỞ ĐƠN VỊ

Điều 14. Tổ chức thực hiện công tác xử lý vụ, việc vi phạm hành chính

1. Công an các đơn vị, địa phương có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bố trí bộ phận xử lý vi phạm hành chính.

2. Địa điểm giải quyết vụ, việc vi phạm hành chính:

a) Bố trí ở vị trí thuận lợi, có diện tích phù hợp, có chỗ ngồi cho người đến liên hệ giải quyết vụ, việc vi phạm hành chính;

b) Niêm yết sơ đồ chỉ dẫn nơi làm việc, lịch tiếp dân, biển chức danh của cán bộ làm nhiệm vụ xử lý, số điện thoại, nội quy tiếp dân, hòm thư góp ý và nội dung một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.

3. Cán bộ xử lý vi phạm hành chính:

a) Có mặt trước giờ làm việc 15 phút, chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, biểu mẫu, thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác xử lý vi phạm hành chính; hướng dẫn người đến giải quyết vi phạm hành chính thực hiện theo đúng trình tự;

b) Tiếp nhận hồ sơ vụ, việc vi phạm hành chính;

c) Tham mưu, đề xuất việc xử lý vi phạm hành chính.

Điều 15. Trình tự xử lý vi phạm hành chính

1. Tiếp nhận hồ sơ vụ, việc vi phạm hành chính:

a) Hồ sơ vụ, việc vi phạm hành chính do Tổ tuần tra, kiểm soát bàn giao, bao gồm: Biên bản vi phạm hành chính hoặc biên bản kiểm tra; quyết định xử phạt vi phạm hành chính và giấy tờ có liên quan đến phương tiện, người điều

khiển phương tiện; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ và các tài liệu đã thu thập được (nếu có);

b) Hồ sơ vụ, việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền chuyển đến để xử phạt vi phạm hành chính;

c) Vào Sổ thống kê xử lý các vụ, việc vi phạm hành chính.

2. Phân loại hồ sơ vụ, việc vi phạm hành chính:

a) Hồ sơ vụ, việc vi phạm hành chính chờ giải quyết, gồm:

Loại vụ, việc đã rõ không cần điều tra xác minh;

Loại vụ, việc cần điều tra xác minh;

Loại vụ, việc không thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị;

Loại vụ, việc có dấu hiệu tội phạm; vụ, việc vi phạm phát hiện thông qua sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ nhưng chưa dừng ngay được phương tiện để xử lý; vụ, việc phản ánh vi phạm hành chính về giao thông đường thủy nội địa do tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Hồ sơ đã ra quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm chưa đến nhận quyết định; đã nhận quyết định nhưng chưa thi hành hoặc thi hành chưa xong;

c) Hồ sơ đã giải quyết xong, gồm: Những vụ, việc vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức vi phạm đã thi hành xong quyết định xử phạt nhưng chưa lưu trữ theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an;

d) Hồ sơ khiếu nại, tố cáo.

3. Xem xét vụ, việc vi phạm hành chính:

a) Xem xét, đối chiếu hồ sơ vụ, việc vi phạm hành chính với các quy định của pháp luật để có báo cáo, đề xuất hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra;

b) Đối với vụ, việc không thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị, phải báo cáo đề xuất thủ trưởng đơn vị chuyển hồ sơ đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

c) Đối với vụ, việc có dấu hiệu tội phạm, phải báo cáo đề xuất thủ trưởng đơn vị chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

4. Trình cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Trực tiếp làm việc với cá nhân hoặc đại diện tổ chức vi phạm đến giải quyết vi phạm:

a) Tiếp nhận biên bản vi phạm hành chính và đối chiếu với hồ sơ vi phạm; trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm làm mất biên bản vi phạm hành chính phải

xuất trình giấy tờ tùy thân; chỉ giải quyết vụ, việc vi phạm hành chính trực tiếp với người vi phạm và người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Ghi ngày, tháng, năm giao quyết định vào phần dưới của quyết định xử phạt vi phạm hành chính, yêu cầu người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký xác nhận;

c) Giao 01 bản quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho người bị xử phạt hoặc người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền, 01 bản chuyển giao cho Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng nơi thu tiền phạt;

d) Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm đã thực hiện xong việc nộp tiền phạt, cán bộ thực hiện nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính tại đơn vị thực hiện như sau: Tiếp nhận biên lai thu tiền phạt; kiểm tra, đối chiếu biên lai thu tiền phạt với hồ sơ vi phạm hành chính và lưu hồ sơ; trả lại tang vật, phương tiện, giấy tờ đã tạm giữ theo thủ tục hành chính (trừ trường hợp bị tước quyền sử dụng hoặc tịch thu) cho người vi phạm hoặc chủ sở hữu hoặc đại diện tổ chức vi phạm hành chính có tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ; trường hợp người bị xử phạt không phải là chủ sở hữu thì phải là người quản lý, người sử dụng hợp pháp hoặc được chủ sở hữu ủy quyền. Việc trả lại tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ theo quyết định tạm giữ phải có quyết định và lập biên bản trả theo đúng quy định.

6. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện xử phạt vi phạm hành chính qua tài khoản, dịch vụ bưu chính công ích, cổng dịch vụ công trực tuyến (nếu có) hoặc thuộc các trường hợp: Nộp tiền phạt nhiều lần; miễn, giảm tiền phạt; quá thời hạn nộp phạt hoặc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Theo dõi, thống kê việc xử phạt vi phạm hành chính: trong thời gian không quá 48 giờ kể từ khi cá nhân, tổ chức vi phạm đã chấp hành xong quyết định xử phạt, cán bộ thực hiện nhiệm vụ xử lý vi phạm phải ghi bổ sung vào Sổ thống kê xử lý các vụ, việc vi phạm hành chính; sắp xếp hồ sơ lưu trữ theo đúng chế độ hồ sơ.

Điều 16. Hồ sơ công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính

1. Các đơn vị Cảnh sát đường thủy được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính phải thực hiện công tác hồ sơ theo đúng quy định.

2. Hồ sơ theo dõi tổ chức hoạt động tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông là hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ thuộc hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát; tùy theo số lượng tài liệu có thể lập thành một hay nhiều tập hồ sơ, mỗi tập không quá 300 tờ, gồm:

a) Hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ theo dõi các văn bản chỉ đạo có liên quan đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa của Chính

phủ, Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, Bộ Công an, Cục Cảnh sát giao thông và các ngành có liên quan;

b) Hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ theo dõi việc tổ chức thực hiện chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, Giám đốc Công an cấp tỉnh về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

c) Hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ theo dõi việc thực hiện các kế hoạch, phương án chỉ đạo, tổ chức thực hiện của Phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát đường thủy, Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh; Công an cấp huyện; Thủy đội, Đội, Trạm;

d) Hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ theo dõi công tác điều tra cơ bản tuyến.

3. Hồ sơ các vụ, việc vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông là hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ thuộc hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát; tùy theo số lượng tài liệu có thể lập thành một hay nhiều tập hồ sơ, mỗi tập không quá 300 tờ. Căn cứ thẩm quyền ra quyết định xử phạt để mở hồ sơ lưu trữ các vụ, việc vi phạm hành chính, gồm:

Hồ sơ các vụ, việc vi phạm hành chính theo thẩm quyền do cán bộ ra quyết định xử phạt;

Hồ sơ các vụ, việc vi phạm hành chính theo thẩm quyền do chỉ huy cấp Thủy đội, Đội, Trạm ra quyết định xử phạt;

Hồ sơ các vụ, việc vi phạm hành chính theo thẩm quyền do Trưởng phòng Phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng chống tội phạm trên đường thủy nội địa; Thủy đoàn trưởng, Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện ra quyết định xử phạt;

Hồ sơ các vụ, việc vi phạm hành chính do Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Giám đốc Công an cấp tỉnh ra quyết định xử phạt;

Hồ sơ các vụ, việc đã bàn giao cho các cơ quan, đơn vị chức năng xử lý.

4. Sắp xếp, lưu giữ tài liệu có trong hồ sơ:

a) Sắp xếp, lưu giữ tài liệu trong một tập hồ sơ:

Bìa hồ sơ (mẫu B6);

Quyết định lập hồ sơ (mẫu B1) hoặc văn bản thay quyết định lập hồ sơ;

Thống kê tài liệu có trong hồ sơ (mẫu B3);

Danh sách người nghiên cứu hồ sơ (mẫu B4);

Quyết định kết thúc hồ sơ (mẫu B1) hoặc văn bản thay quyết định kết thúc hồ sơ;

Bản định giá trị, thời hạn bảo quản hồ sơ (mẫu B15);

Tài liệu về các vụ, việc xử lý vi phạm hành chính;

b) Sắp xếp, lưu giữ tài liệu trong hồ sơ một vụ việc theo thứ tự:

Biên bản vi phạm hành chính (nếu có);

Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (nếu có);

Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (nếu có);

Các giấy tờ khác liên quan đến việc giải quyết vụ, việc vi phạm (nếu có);

Biên lai thu tiền phạt (nếu có);

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Phiếu báo của Công an xã, phường, thị trấn nơi nhận được thông báo vi phạm (đối với trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa theo quy định phải thông báo);

c) Hồ sơ các vụ, việc trong tập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính được lưu theo thứ tự thời gian cá nhân, tổ chức vi phạm đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Điều 17. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Báo cáo định kỳ:

a) Tuần, tháng, 6 tháng, năm, các Thủy đội, Đội, Trạm phải báo cáo lãnh đạo Thủy đoàn, Phòng Cảnh sát đường thủy, Phòng Cảnh sát giao thông, Công an cấp huyện về tình hình, kết quả công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính;

b) Tuần, tháng, 6 tháng, năm, Công an cấp huyện báo cáo về Phòng Cảnh sát đường thủy hoặc Phòng Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát đường thủy hoặc Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; Thủy đoàn báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông về tình hình, kết quả công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với những vụ, việc có tính chất nghiêm trọng, phức tạp hoặc có ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phải báo cáo ngay Giám đốc Công an cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông.

3. Các trường hợp bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, Thủy đoàn trưởng, Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện phải thông báo đến cơ quan đã cấp giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông.

4. Trường hợp tạm giữ giấy tờ phương tiện, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn để bảo đảm việc xử phạt, nếu quá thời hạn ghi trong biên bản vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn tạm giữ

ghi trong giấy tờ tạm giữ hoặc biên bản vi phạm hành chính, Thủy đoàn trưởng, Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện phải thông báo bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác về Cục Cảnh sát giao thông. Các trường hợp đã thông báo nhưng sau đó tổ chức, cá nhân đến thi hành quyết định xử phạt thì đơn vị xử phạt phải thông báo lại cho Cục Cảnh sát giao thông.

Chương IV

GIẢI QUYẾT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

TRONG CÔNG TÁC TUẦN TRA, KIỂM SOÁT

Điều 18. Trường hợp người điều khiển phương tiện không chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện

1. Nhanh chóng ghi nhận các đặc điểm của phương tiện (loại phương tiện, số đăng ký, tên phương tiện, màu sơn và các đặc điểm khác); đặc điểm hàng hóa chuyên chở trên phương tiện; đặc điểm của người điều khiển phương tiện, người đi trên phương tiện và hướng bỏ chạy.

2. Báo cáo lãnh đạo đơn vị để chỉ đạo và thông báo cho các Tổ tuần tra, kiểm soát trên tuyến, các lực lượng khác để hỗ trợ và phối hợp ngăn chặn.

3. Tùy theo loại phương tiện và tính chất, mức độ vi phạm của người điều khiển phương tiện, Tổ trưởng Tổ tuần tra, kiểm soát quyết định tổ chức lực lượng, phương tiện, biện pháp thực hiện việc ngăn chặn cho phù hợp, bảo đảm an toàn cho cán bộ và người tham gia giao thông:

a) Khi sử dụng phương tiện tuần tra truy bắt phải đảm bảo an toàn giữa phương tiện tuần tra với phương tiện vi phạm;

b) Ban ngày sử dụng cờ chữ K, ban đêm sử dụng đèn tín hiệu, kết hợp với loa yêu cầu người điều khiển phương tiện không chấp hành dừng ngay phương tiện;

c) Trường hợp đối tượng không chấp hành dừng phương tiện để chèn, ép phương tiện tuần tra hoặc sử dụng các phương tiện, công cụ gây nguy hiểm đến tính mạng của cán bộ hoặc có dấu hiệu của tội phạm thì được sử dụng vũ lực, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để ngăn chặn, bắt giữ đối tượng hoặc thông báo cho Tổ tuần tra, kiểm soát gần nhất, các lực lượng khác để hỗ trợ ngăn chặn.

4. Xử lý đối tượng không chấp hành sau khi bắt giữ:

a) Đối với vụ việc vi phạm hành chính: Đưa đối tượng, tang vật, phương tiện vi phạm về trụ sở Công an nơi gần nhất; lập biên bản và giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Đối với vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm: Tước ngay vũ khí (nếu có); đưa đối tượng, tang vật, phương tiện vi phạm về trụ sở Công an nơi gần nhất; lập hồ sơ ban đầu, củng cố tài liệu, chứng cứ và chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

5. Khi thực hiện việc ngăn chặn hành vi của người điều khiển phương tiện không chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện, nếu xảy ra các vụ, việc gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người thi hành công vụ hoặc tổ chức, cá nhân hoặc gây cản trở giao thông thì Tổ tuần tra, kiểm soát tổ chức cấp cứu người bị nạn (nếu có), ngăn chặn thiệt hại, bảo vệ hiện trường, điều tiết giao thông, báo cáo lãnh đạo đơn vị để chỉ đạo và thông báo cho các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trường hợp người vi phạm không chấp hành các yêu cầu kiểm soát; xúi giục, lôi kéo người khác cản trở người thi hành công vụ

1. Thông báo, giải thích cho người vi phạm và những người cản trở thấy rõ hành vi vi phạm pháp luật và chấp hành yêu cầu kiểm tra.

2. Trường hợp vụ, việc diễn biến phức tạp vượt quá khả năng, thẩm quyền giải quyết, Tổ tuần tra, kiểm soát báo cáo ngay lãnh đạo đơn vị, đồng thời liên hệ với chính quyền, các cơ quan có liên quan đề nghị phối hợp giải quyết.

3. Trường hợp đối tượng đe dọa hoặc sử dụng vũ lực, vũ khí chống lại thì cán bộ tuần tra, kiểm soát phải cảnh giác, kiên quyết khống chế, khám và tước vũ khí. Nếu đối tượng vẫn ngoan cố chống lại hoặc gây mất an toàn cho người xung quanh, cán bộ được quyền sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để vô hiệu hoá hành động của đối tượng theo quy định của pháp luật; đồng thời lập hồ sơ ban đầu, củng cố tài liệu, chứng cứ chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền.

4. Sử dụng các thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ để ghi nhận tình hình.

Điều 20. Trường hợp người vi phạm có hành vi lăng mạ, đe dọa hoặc xô đẩy người thi hành công vụ

1. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để ghi nhận tình hình.

2. Vận động, thuyết phục, yêu cầu người vi phạm và những người liên quan chấm dứt hành vi vi phạm, giải tán đám đông (nếu có).

3. Kiểm soát người, phương tiện có liên quan.

4. Trường hợp cố tình không chấp hành, tiếp tục vi phạm, Tổ tuần tra, kiểm soát khống chế đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân, trụ sở Công an nơi gần nhất để giải quyết. Trường hợp phức tạp ảnh hưởng đến an ninh, trật tự thì thông báo cho lực lượng Công an nơi gần nhất hỗ trợ giải quyết.

5. Kiểm tra giấy tờ tùy thân và những giấy tờ, tang vật, phương tiện, hàng hoá khác có liên quan.

6. Căn cứ tính chất, mức độ của vụ việc để áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Giải quyết ùn tắc giao thông

1. Trường hợp ùn tắc giao thông không nghiêm trọng, phạm vi hẹp, Tổ trưởng Tổ tuần tra, kiểm soát phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ viên thực hiện việc hướng dẫn, điều tiết giao thông để giải tỏa ùn tắc. Trường hợp cần thiết thì đề nghị với cơ quan quản lý đường thủy nội địa để giải quyết.

2. Trường hợp ùn tắc giao thông nghiêm trọng thì Tổ trưởng Tổ tuần tra, kiểm soát thực hiện như sau: Sơ bộ xác định nguyên nhân ùn tắc, phân công tổ viên thực hiện việc hướng dẫn, điều tiết giao thông để làm giảm mức độ ùn tắc; thông báo và đề nghị cơ quan quản lý đường thủy nội địa phối hợp để tổ chức phân luồng, điều tiết giao thông từ xa; kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, chính quyền địa phương sở tại đề nghị huy động, tăng cường lực lượng phối hợp giải quyết.

Điều 22. Giải quyết, xử lý tai nạn giao thông hoặc tai nạn khác trên đường thủy

1. Đối với tai nạn giao thông hoặc tai nạn khác xảy ra trên đường thủy nội địa thì giải quyết như sau:

a) Tổ chức vớt và cấp cứu người bị nạn, đồng thời huy động lực lượng, phương tiện cứu vớt hàng hóa, phương tiện bị nạn;

b) Tổ chức điều tiết giao thông. Trường hợp tai nạn làm cản trở nghiêm trọng đến các hoạt động giao thông hoặc gây sự cố, tác hại đến môi trường thì phải thông báo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực đó biết để kịp thời xử lý;

c) Tổ chức bảo vệ hiện trường vụ tai nạn: khoanh vùng hiện trường, bảo vệ người, tài sản, hàng hóa liên quan; phát hiện và ghi nhận các dấu vết, tang vật tại hiện trường và trên các phương tiện liên quan đến tai nạn; giữ nguyên vị trí, trạng thái phương tiện, dấu vết tang vật ở điều kiện cho phép, chú ý phát hiện và ghi nhận những thay đổi xảy ra; tạm giữ phương tiện, giấy tờ của phương tiện, người điều khiển phương tiện, tài liệu, vật chứng có liên quan đến tai nạn; nắm tình hình sự việc, người biết sự việc, người liên quan đến tai nạn; truy tìm người gây tai nạn bỏ trốn; nắm thông tin khác có liên quan đến vụ tai nạn;

d) Báo cáo tình hình với cấp trên; trao đổi nội dung vụ, việc; bàn giao hồ sơ cho đơn vị chức năng giải quyết vụ tai nạn, đồng thời tiếp tục bảo vệ hiện trường cho đến khi kết thúc khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn.

2. Trường hợp người gây tai nạn hoặc người điều khiển phương tiện bỏ chạy thì ngoài việc thực hiện theo quy định trên, phải tiến hành:

a) Thu thập thông tin về phương tiện, hàng hóa, người điều khiển phương tiện, người đi trên phương tiện và hướng bỏ chạy;

b) Báo cáo kịp thời với chỉ huy đơn vị và tổ chức lực lượng, phương tiện truy đuổi phương tiện bỏ chạy;

c) Khi truy tìm được phương tiện gây tai nạn thì tiến hành tạm giữ phương tiện, người điều khiển phương tiện, giấy tờ của phương tiện; thu thập các tài liệu, dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn; nếu họ chống đối thì thực hiện việc áp giải theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trường hợp phạm tội quả tang hoặc vi phạm có dấu hiệu tội phạm

1. Đối với trường hợp phạm tội quả tang thì thực hiện như sau:

a) Tiến hành bắt, khám người, tước vũ khí của đối tượng, thu giữ tang vật (nếu có), lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ tài liệu, vật chứng; báo cáo chỉ huy, lãnh đạo đơn vị biết để chỉ đạo;

b) Lây lời khai của người làm chứng, người biết việc, thu thập, bảo quản tài liệu, dấu vết, vật chứng có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Bố trí lực lượng quản lý, giám sát chặt chẽ, đề phòng đối tượng bỏ trốn, tẩu tán, tiêu hủy tài liệu, chứng cứ hoặc đồng bọn tổ chức đánh tháo;

d) Đưa đối tượng về trụ sở đơn vị hoặc trụ sở Công an nơi gần nhất; bàn giao đối tượng, tang vật và các tài liệu có liên quan cho cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết.

2. Khi phát hiện người, phương tiện có dấu hiệu tội phạm thì tiến hành kiểm tra, kiểm soát theo quy định, báo cáo ngay tình hình với chỉ huy, lãnh đạo đơn vị biết để xin ý kiến chỉ đạo; lập biên bản vụ, việc; đưa người, phương tiện, hàng hoá về trụ sở đơn vị hoặc trụ sở cơ quan Công an, chính quyền địa phương nơi gần nhất để giải quyết theo quy định.

Điều 24. Giải quyết vụ, việc liên quan đến người nước ngoài, phương tiện của người nước ngoài vi phạm trật tự, an toàn giao thông

1. Những vụ việc do người nước ngoài vi phạm hành chính tại Việt Nam đều phải được xử lý chính xác, kịp thời, đảm bảo lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các cá nhân bị thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra; đối với những vi phạm hành chính có tính chất phức tạp, đơn vị phải báo cáo ngay Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Giám đốc Công an cấp tỉnh để chỉ đạo.

2. Người nước ngoài có thân phận ngoại giao được hưởng quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự, xử lý vi phạm hành chính, nhưng họ phải tôn trọng pháp luật của Việt Nam và phải có trách nhiệm đền bù vật chất đối với các vi phạm hành chính do họ gây ra.

3. Đối với những người mang quốc tịch Việt Nam điều khiển phương tiện thủy phục vụ các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, khi vi phạm hành chính thì xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải bảo đảm không gây trở ngại cho hoạt động của cơ quan đại diện ngoại giao và các tổ chức quốc tế.

4. Người nước ngoài là nhân viên hành chính - kỹ thuật, nhân viên phục vụ trong các cơ quan đại diện nước ngoài và thành viên gia đình họ tại Việt Nam, các thành viên không có thân phận ngoại giao của các đoàn đại biểu chỉ được miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự, xử lý vi phạm hành chính trong khi thi hành công vụ.

5. Đối với người nước ngoài và người không có quốc tịch không thuộc các trường hợp tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này đang cư trú, làm ăn sinh sống tại Việt Nam vi phạm hành chính thì xử lý như đối với công dân Việt Nam hoặc áp dụng các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bên ký kết, tham gia.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2020 và thay thế Thông tư số 37/2013/TT-BCA ngày 27 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy.

2. Khi văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định mới đó.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Cảnh sát giao thông) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các trường Công an nhân dân;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, C08, V03.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Đại tướng Tô Lâm

